

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 22-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** Ông Trần Duy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
24/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn Th, sinh năm 1992 tại Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
ấp M, xã C, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi sinh sống: ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình
Dương; nghề nghiệp: nhân viên bảo vệ dịch vụ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc:
Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn
M và bà Nguyễn Thị H; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ trong trường
hợp khẩn cấp ngày 13 tháng 12 năm 2022 và tạm giữ, đến ngày 22 tháng 12 năm
2022 tạm giam, có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH A Việt Nam; địa chỉ: Lô 1C7, 1C8, đường CN8,
Khu Công nghiệp B, xã H, huyện H, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Chồng Thành Đ, sinh năm 1996;
hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Phòng 302 KTX
Công ty A, Lô 1C7, 1C8, đường CN8, Khu Công nghiệp B, xã H, huyện B, tỉnh
Bình Dương; chức vụ: nhân viên Phòng Hành chính nhân sự, là người đại diện
theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2022), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Đình Q, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ Phan Thị Nh, ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Anh Trần Văn M, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: ấp 1, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ B; địa chỉ: số 107A, đường M - P, tổ 26, khu 6, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ B: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Ninh; tạm trú: 128/29, khu phố B, phường C, thành phố A, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Trưởng Phòng Đào tạo, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2022), có mặt.

- Công ty TNHH Một thành viên Thép VAS T; địa chỉ: khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên Thép VAS T: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 5, khu phố 2, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương; chức vụ: Trưởng Phòng HCNS, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 12 năm 2022), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Phạm Văn Th là nhân viên bảo vệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ B (viết tắt là Công ty B). Th được phân công bảo vệ mục tiêu tại Công ty TNHH A Việt Nam (viết tắt là Công ty A), Đội trưởng Đội bảo vệ.

Khoảng 15 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2022, do Th không có tiền tiêu xài nên Th nảy sinh ý định lấy trộm Pallet chất liệu thép mạ kẽm của Công ty A. Th tìm đến vừa phế liệu ở ấp 1, xã H, huyện B gặp anh Lê Đình Q là chủ vừa phế liệu. Th tự giới thiệu Th là nhân viên quản lý của Công ty A và Th muốn bán sắt phế liệu (Pallet). Sau khi trao đổi, anh Q đồng ý mua Pallet của Th với giá 7.500 đồng/kg, Th đồng ý và Th dẫn anh Q đến cổng Công ty A để biết vị trí. Đến 17 giờ cùng ngày, Th gọi điện thoại cho anh Trần Văn M nhờ anh M mở cửa Công ty A khi anh Q đến, tuy nhiên Th không nói để làm gì; anh M đồng ý. Anh M là nhân viên bảo vệ Công ty B nhưng không bảo vệ cùng mục tiêu với Th mà bảo vệ mục tiêu khác.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Q cùng anh Lê Ngọc H (là người được anh Q thuê chở phế liệu với giá 300.000 đồng) điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-531.53 đến Công ty A và được anh M mở cửa cho vào đến bãi Pallet của Công ty A mua phế liệu. Tại đây, Th bán cho anh Q 45 cái Pallet chất liệu thép mạ kẽm được 11.400.000 đồng, Th nhận tiền và ra về. Anh H chở số Pallet vừa mua được về nhà anh Q. Đến ngày 12 tháng 12 năm 2022, anh Q chở số Pallet mua được của Th đến bán cho Công ty TNHH Một thành viên Thép VAS T (viết tắt là Công ty T) tại khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương được 13.363.000 đồng. Cùng ngày, Công ty A phát hiện bị mất trộm Pallet đã đến Công an xã H trình báo. Công an xã H đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền. Th đã thừa nhận hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp lại số tiền Th bán Pallet sau khi tiêu xài cá nhân còn lại 5.400.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Th thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị hại Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Q, anh H, anh M và Công ty T vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Th đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 13 tháng 12 năm 2022, Công an xã H đã thu giữ của bị cáo 5.400.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 45 cái Pallet chất liệu thép mạ kẽm, kích thước (dài 2.000mm, rộng 1.500mm, cân nặng: 36kg/1 cái Pallet) sử dụng từ năm 2021 trị giá 46.800.000 đồng.

Tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 15 tháng 12 năm 2022, anh Q đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Bàu Bàng 13.363.000 đồng do anh Q bán 45 cái Pallet cho Công ty T mà có.

Đối với 45 cái Pallet, Công ty T đã nấu tan chảy để phục vụ việc sản xuất nên không thu hồi được.

Đối với anh Q đã mua 45 cái Pallet của Th, anh Q không biết đây là tài sản Th phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với anh M không biết việc mình mở cổng Công ty A cho anh Q và anh H vào mua 45 cái Pallet do Th trộm cắp nên không có cơ sở để xác định là đồng phạm với Th về tội Trộm cắp tài sản.

Đối với anh H chỉ chở thuê lấy tiền công của anh Q, không biết việc anh Q mua tài sản Th phạm tội mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về vật chứng: số tiền 5.400.000 đồng bị cáo Th có được do phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền 13.363.000 đồng anh Q bán 45 cái Pallet, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên. Bị hại Công ty A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Q, anh H, anh M và Công ty T vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, không ai có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình tố tụng, bị hại Công ty A yêu cầu bị cáo Th bồi thường số tiền 46.800.000 đồng. Ngày 08 tháng 3 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B đã bồi thường 46.800.000 đồng cho Công ty A. Công ty B yêu cầu bị cáo Th có trách nhiệm trả lại 46.800.000 đồng cho Công ty B. Bị cáo Th đồng ý nhưng chưa có tiền để bồi thường.

Tại phiên tòa, Công ty B giữ nguyên yêu cầu trên; bị cáo Th đồng ý trả 46.800.000 đồng cho Công ty B.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 36/CT-VKSBB ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Phạm Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Th từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về vật chứng: tịch thu 5.400.000 đồng của bị cáo Th do phạm tội mà có và 13.363.000 đồng anh Q bán 45 cái Pallet sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Th trả số tiền 46.800.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B.

Tại phiên tòa, bị cáo Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên; bị cáo Th đồng ý trả 46.800.000 đồng cho Công ty B.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đã ăn năn hối cải; xin Hội đồng xét xử xử nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bị hại Công ty A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Q, anh H, anh M và Công ty T vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng Danh bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Th khai nhận: khoảng 18 giờ ngày 11 tháng 12 năm 2022, tại Công ty A, Khu Công nghiệp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 45 cái Pallet chất liệu thép mạ kẽm của bị hại Công ty A. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 46.800.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết.

[4] Để có tiền sử dụng cá nhân, bị cáo đã lợi dụng công việc bảo vệ tại Công ty A để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 45 cái Pallet của Công ty A. Hành vi phạm tội của bị cáo là liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu 5.400.000 đồng của bị cáo Th do phạm tội mà có và 13.363.000 đồng của anh Q do bán tài sản phạm tội mà có để nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Bị hại Công ty A đã được bồi thường thiệt hại, không yêu cầu gì khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty B yêu cầu bị cáo Th trả lại số tiền 46.800.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo Th đồng ý trả số tiền này cho Công ty B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 và quy định về bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra tại Điều 597 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định bị cáo Th có trách nhiệm trả cho Công ty B số tiền 46.800.000 đồng.

[9] Về án phí: bị cáo Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Th 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 12 năm 2022.

[2] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Văn Th và 13.363.000 đồng (mười ba triệu ba trăm sáu mươi ba

nghìn đồng) của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Đình Q nộp ngân sách nhà nước.

(Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh D, Phòng Giao dịch B).

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 và Điều 597 của Bộ luật Dân sự: bị cáo Phạm Văn Th có trách nhiệm trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ B số tiền 46.800.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.340.000 đồng (hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên

